

Số: /TB-SKHCN

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 06/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Văn bản số 5595/UBND-KH&CĐS ngày 19/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về danh mục nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ kết quả họp Tổ chuyên gia tư vấn rà soát, lựa chọn đặt hàng, xác định mức trần kinh phí dự kiến hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang thông báo Kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Danh mục 27 nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng để tuyển chọn thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang: chi tiết về tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, dự kiến nội dung, quy mô, dự kiến kết quả sản phẩm, phương thức thực hiện, mức trần kinh phí và thời gian thực hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Điều kiện đối với tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST): Đáp ứng quy định tại Điều 5 Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST

3.1. Thành phần hồ sơ

- Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST gồm các tài liệu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-09 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025.

+ Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-10 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025¹; có kèm theo dự toán theo Biểu mẫu BM-15 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025;

+ Văn bản cam kết phối hợp/đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Biểu mẫu BM-12 Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN ngày 26/11/2025 (nếu có);

+ Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của tổ chức chủ trì: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Điều lệ hoạt động được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc các tài liệu tương đương khác²;

+ Thông tin về năng lực của tổ chức đề xuất, lý lịch của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và thành viên nghiên cứu phải được cập nhật trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia³;

Các biểu mẫu hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang đăng tải tại địa chỉ website: <https://skhcn.tuyenquang.gov.vn/>.

- Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST được lập trên cơ sở các văn bản quy định sau:

+ Các Nghị quyết của HĐND tỉnh Tuyên Quang: Số 07/2025/NQ-HĐND ngày 24/10/2025 Quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị; chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; số 26/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 Quy định một số nội dung và mức chi sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

¹ Thuyết minh được trình bày tối đa 20 trang, trong đó cần bổ sung thông tin: nội dung, phương pháp thực hiện bao gồm hiện trạng trong nước và thế giới trước khi nghiên cứu; kết quả dự kiến bao gồm kết quả trung gian và kết quả cuối cùng; mối liên hệ giữa mục tiêu cụ thể, nội dung, kết quả trung gian, kết quả cuối cùng.

² Tổ chức đăng ký chủ trì **không phải nộp tài liệu này trong trường hợp** đã cập nhật tài liệu trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia tại địa chỉ: <https://stm.mst.gov.vn/public>;

³ Địa chỉ: <https://stm.mst.gov.vn/public>.

+ Định mức kinh phí kỹ thuật chuyên ngành của ngành, lĩnh vực có liên quan đến nội dung thực hiện của nhiệm vụ.

Lưu ý: Nhà nước sẽ nắm giữ quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ trong trường hợp cơ quan nhà nước có yêu cầu tiếp nhận kết quả.

3.2. Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ KH,CN&ĐMST

- Hồ sơ (*trừ các tài liệu là bản sao*) sử dụng phông chữ tiếng Việt (Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6909:2001), màu đen;

- Các tài liệu quy định trong thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao y theo quy định.

3.3. Hình thức nộp hồ sơ

- Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính phải được đóng gói, niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau: Tên nhiệm vụ KH,CN&ĐMST; Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì; Họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ, thông tin liên hệ; Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ, gồm 01 bộ gốc và 09 bộ sao, có niêm phong.

4. Thời hạn nhận hồ sơ: Thời hạn cuối cùng nhận hồ sơ: 16 giờ 30 phút, ngày **12/9/2026**.

- Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST phải nộp đúng thời hạn theo quy định. Ngày nhận hồ sơ được tính là ngày, tháng, năm ghi tại dấu bưu chính nơi gửi đi (*đối với trường hợp gửi qua bưu chính*); xác nhận ngày, tháng, năm của nơi nhận hồ sơ (*đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp thì tiếp nhận trong giờ hành chính*); ngày ghi nhận khi nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Các hồ sơ không hợp lệ sẽ không được xem xét tuyển chọn và không được gửi trả lại.

- Khi chưa hết hạn nộp hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ KH,CN&ĐMST có quyền rút hồ sơ đã nộp để thay bằng hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ đã nộp. Việc bổ sung, thay thế hồ sơ mới phải hoàn thành trước thời hạn kết thúc việc nộp hồ sơ theo quy định.

- Quá thời hạn quy định về nộp hồ sơ, mọi hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST cấp tỉnh nêu trên sẽ không được giải quyết.

5. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tiếp

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Số 433, đường 17 tháng 8, phường Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang.

Chi tiết liên hệ: Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang; Điện thoại: 0983.810.269; 0378.229.929; 0376.123.612.

6. Đề nghị Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Cổng Thông tin điện tử tỉnh đăng tải nội dung Thông báo và Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng đề tuyển chọn thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang kèm theo Thông báo này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang thông báo để các tổ chức, cá nhân biết và đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Đ/c Đỗ Hùng Đức, PCT UBND tỉnh (B/cáo)
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo Sở KH&CN;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở KH&CN;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Hiệp hội Du lịch tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Hội Doanh nhân trẻ tỉnh;
- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu, doanh nghiệp;
- Tổ chức KH&CN trong và ngoài tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, QLKH.

GIÁM ĐỐC

Phạm Ninh Thái

PHỤ LỤC

Danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặt hàng để tuyển chọn thực hiện năm 2026 (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Thông báo số /TB-SKHCN ngày /8/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
I	LĨNH VỰC KHOA HỌC NÔNG NGHIỆP						
1	Dự án: Ứng dụng công nghệ (IoT) vào quá trình triển khai giám sát dịch bệnh và truy xuất nguồn gốc, trong công tác sản xuất giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Áp dụng các phần mềm quản lý và kỹ thuật sản xuất quy chuẩn vào công tác sản xuất giống cây trồng từ đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác sản xuất và chủ động nguồn giống cây trồng chống chịu tốt, chất lượng cao cho tỉnh, hàng năm đáp ứng từ 30 - 50% nhu cầu giống cây trồng chất lượng cao cho tỉnh.	- Nội dung 1: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong triển khai giám sát dịch bệnh giống cây trồng và truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị trong công tác sản xuất giống cây trồng tại Tuyên Quang. - Nội dung 2: Sản xuất giống cây trồng (trong bộ giống của tỉnh) chất lượng tốt với công nghệ thông minh (Truy xuất nguồn gốc, quản lý sản xuất bằng công nghệ, kỹ thuật sản xuất theo quy chuẩn) gồm: + Ứng dụng công nghệ thông minh vào trong sản xuất giống cây ăn quả và giống cây lâm nghiệp tại Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường. + Xây dựng hệ thống quản lý dữ	- 01 hệ thống quản lý sản xuất giống cây trồng ứng dụng IoT và truy xuất nguồn gốc; - 01 cơ sở dữ liệu số chuyên ngành giống cây trồng; - Bộ mã QR truy xuất nguồn gốc các sản phẩm cây giống cây ăn quả ôn đới, cây ăn quả có múi, giống lâm nghiệp chất lượng cao; - 04 ha mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ thông minh trong quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; - Bộ quy trình kỹ thuật và quản lý số trong sản xuất giống cây trồng. - Đề xuất phương án duy trì và phát triển.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.500	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			liệu, theo dõi lưu giữ hồ sơ sản xuất giống cây trồng. + Xây dựng bộ mã QR truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm giống cây trồng của Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường. + Xây dựng và công bố quy trình sản xuất giống cây trồng: Cây ăn quả ôn đới (đào, Lê, Mận); Cây ăn quả có múi (cam Chanh, cam Sành, Quýt...); Cây lâm nghiệp (cây Sa Mộc, Thông Mã Vĩ, Cây keo Úc...) - Nội dung 3: Triển khai mô hình trồng ứng dụng công nghệ thông minh (Truy xuất nguồn gốc, quản lý mô hình bằng công nghệ thông minh) vào sản xuất cây ăn quả tại các xã thực hiện mô hình của tỉnh. + Mô hình trồng cây ăn quả ôn đới có sử dụng công nghệ thông minh trong quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Quy mô 2ha. + Mô hình trồng cây ăn quả có				

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			múi có sử dụng công nghệ thông minh trong quản lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm: Quy mô 2ha.				
2	Dự án: Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, quả, hoa ... an toàn tại xã Thái Bình, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng công nghệ nhà màng, thủy canh và IoT để xây dựng mô hình sản xuất rau, hoa, quả an toàn theo hướng hiện đại, kiểm soát tự động các điều kiện môi trường sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm và tạo ra sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao.	- Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng sản xuất và nhu cầu thị trường đối với các loại rau, hoa, quả có giá trị kinh tế. - Nội dung 2: Xây dựng hệ thống nhà màng, hệ thống IoT, khu vực đóng gói cho sản xuất một số loại rau, hoa, quả an toàn ứng dụng công nghệ cao. - Nội dung 3: Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình sản xuất, sơ chế, đóng gói cho một số loại rau, hoa, quả an toàn tại xã Thái Bình, tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 4: Ứng dụng công nghệ vận hành một số mô hình sản xuất một số loại rau, hoa, quả an toàn tại xã Thái Bình, tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 5: Tổ chức tập huấn, chuyển giao kỹ thuật và hội thảo nhân rộng mô hình.	- Hệ thống nhà màng thông minh, tích hợp IoT; - Quy trình sản xuất, sơ chế, đóng gói cho một số loại rau, hoa, quả an toàn (6-8 quy trình); - Mô hình sản xuất một số loại rau, hoa, quả an toàn ứng dụng công nghệ cao, tích hợp nhà kính thông minh, hệ thống thủy canh và internet vạn vật (6-8 mô hình); - Các sản phẩm rau, hoa, quả an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương. - Đội ngũ kỹ thuật viên, hộ dân được đào tạo và làm chủ công nghệ sản xuất. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và khả năng nhân rộng mô hình.	Từ năm 2026 (36 tháng)	9.465	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
3	Dự án: Phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm lấy kén và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại các xã Đông Thọ, Trường Sinh và Hồng Sơn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu lại sản xuất ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả bền vững trên cơ sở phát huy lợi thế của các địa phương. Hình thành và phát triển bền vững vùng trồng dâu và nghề nuôi tằm gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.	- Nội dung 1: Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất: quy trình trồng và sản xuất thâm canh cây dâu tằm; quy trình sản xuất giống tằm. - Nội dung 2: Xây dựng vùng nguyên liệu và mở rộng diện tích trồng dâu với quy mô 30 ha tại 3 xã. - Nội dung 3: Xây dựng cơ sở sản xuất giống tằm. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình áp dụng các kỹ thuật tiên bộ trong chăn nuôi tằm. - Nội dung 5: Đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật sản xuất dâu, tằm cho người dân. - Nội dung 6: Liên kết tiêu thụ sản phẩm.	- 01 quy trình kỹ thuật trồng dâu thâm canh và nuôi tằm phù hợp với điều kiện tỉnh Tuyên Quang. - Hình thành vùng nguyên liệu trồng dâu tập trung phục vụ nuôi tằm, quy mô 30 ha. - 01 cơ sở sản xuất giống tằm hoạt động ổn định. - Các mô hình nuôi tằm áp dụng tiên bộ kỹ thuật cho năng suất và chất lượng kén cao. - Sản lượng kén tằm hàng hóa đáp ứng yêu cầu của đơn vị thu mua, chế biến. - Tối thiểu 100 hộ dân được đào tạo, tập huấn và áp dụng thành công quy trình kỹ thuật. - Hình thành chuỗi liên kết sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm kén tằm bền vững.	Từ năm 2026 (36 tháng)	4.000	Tuyển chọn
4	Dự án: Ứng dụng công nghệ chế biến sâu và xây dựng mô hình phát triển	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm Trà Shan Tuyết tại xã Hồ Thầu; đồng thời xây	- Nội dung 1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng: Điều tra hiện trạng vùng nguyên liệu Trà Shan Tuyết. Đánh giá quy trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ hiện nay. Khảo sát tiềm năng tài nguyên du lịch sinh thái, văn hóa	- Báo cáo đánh giá hiện trạng và tiềm năng phát triển Trà Shan Tuyết gắn với du lịch. - Xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Bộ nhận diện	Từ năm 2026 (36 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	chuỗi giá trị Trà Shan Tuyết gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm tại xã Hồ Thầu, tỉnh Tuyên Quang.	dựng mô hình phát triển chuỗi giá trị gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, góp phần phát triển kinh tế địa phương theo hướng bền vững.	bản địa và du lịch trải nghiệm. Phân tích các tác nhân tham gia chuỗi giá trị. Chọn địa điểm, hộ tham gia dự án. - Nội dung 2. Ứng dụng công nghệ chế biến sâu: Xây dựng quy trình sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ Trà Shan Tuyết như: Trà túi lọc, trà quýt, hồng trà, trà hoa, bột trà xanh (matcha). Các sản phẩm quà tặng, sản phẩm OCOP từ trà. Hoàn thiện quy trình công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và bao bì sản phẩm. - Nội dung 3. Xây dựng mô hình phát triển chuỗi giá trị Trà Shan Tuyết: Tổ chức liên kết giữa hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp và đơn vị du lịch. Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu Trà Shan Tuyết Hồ Thầu. Xây dựng phương án thương mại hóa và phát triển thị trường. - Nội dung 4. Xây dựng mô hình	thương hiệu Trà Shan Tuyết Hồ Thầu. - 01 mô hình chuỗi giá trị Trà Shan Tuyết từ sản xuất - chế biến - tiêu thụ - du lịch, Mô hình “Trà di sản trải nghiệm”: du khách tham gia hái chè, sao chè, thưởng thức tại chỗ. Hình thành các điểm giới thiệu và bán sản phẩm trà phục vụ khách du lịch. Nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm Trà Shan Tuyết từ 20–30%. - Tập huấn, chuyển giao cho 150-200 lượt hộ dân, hợp tác xã. - 100% sản phẩm OCOP 3-4 sao và mã QR truy xuất nguồn gốc.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm: Thiết kế các tuyến, điểm du lịch gắn với vùng chè Shan Tuyết. Xây dựng các hoạt động trải nghiệm: Tham quan vùng chè cổ thụ, trải nghiệm hái chè, chế biến chè, thưởng trà và tìm hiểu văn hóa trà, trải nghiệm văn hóa cộng đồng địa phương, xây dựng mô hình điểm du lịch cộng đồng kết hợp quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trà. - Nội dung 5. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao: Tập huấn kỹ thuật chế biến sâu cho người dân và hợp tác xã. Đào tạo kỹ năng phục vụ du lịch cộng đồng.				
5	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình liên kết trồng chuối Già Nam Mỹ trên các diện tích vườn cam thoái hóa	Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất chuối Già Nam Mỹ để xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ trên diện tích vườn cam thoái hóa tại xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang; góp phần nâng cao hiệu	- Nội dung 1. Khảo sát, lựa chọn địa điểm và hộ tham gia: Khảo sát hiện trạng các diện tích cam thoái hóa tại xã Đồng Yên. Lựa chọn khu vực, hộ dân đủ điều kiện tham gia mô hình. Đánh giá điều kiện đất đai, nguồn nước và hạ tầng sản xuất. - Nội dung 2. Xây dựng mô hình trồng chuối Già Nam Mỹ: quy	- Xây dựng thành công mô hình liên kết trồng chuối Già Nam Mỹ trên diện tích vườn cam thoái hóa tại xã Đồng Yên. Quy mô mô hình 70 ha. Tỷ lệ sống của cây đạt trên 95%. Năng suất bình quân đạt từ 40–50 tấn/ha/năm (tùy điều kiện thực tế). Thu nhập của hộ tham gia tăng từ 1,5–2 lần so với diện tích cam thoái hóa trước đây. Hình thành chuỗi liên kết ổn định giữa	Từ năm 2026 (36 tháng)	2.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	nhằm nâng cao thu nhập và cải tạo đất tại xã Đồng Yên, tỉnh Tuyên Quang.	quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho người dân, cải tạo độ phì nhiêu của đất và thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững.	mô: 70 ha. Áp dụng các biện pháp: Trồng và chăm sóc chuối theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Bón phân cân đối, sử dụng phân hữu cơ. Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). Tưới nước tiết kiệm, phù hợp điều kiện địa phương. Theo dõi, đánh giá hiệu quả mô hình, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội và tác động cải tạo đất. - Nội dung 3. Tập huấn và chuyển giao kỹ thuật: Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân, quy mô tối thiểu 200 người. - Nội dung 4. Xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Kết nối các hộ tham gia thành nhóm sản xuất hoặc tổ hợp tác. Ký kết hợp đồng liên kết với doanh nghiệp thu mua. Hướng dẫn quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	người sản xuất và doanh nghiệp tiêu thụ. - Tiếp nhận và áp dụng thành công quy trình kỹ thuật trồng chuối Già Nam Mỹ phù hợp điều kiện địa phương. 100% hộ tham gia được đào tạo và nắm vững quy trình kỹ thuật.			
6	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất thanh long ruột đỏ	- Nội dung 1. Khảo sát, đánh giá điều kiện xây dựng mô hình: Khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và hiện trạng sử dụng đất	- Xây dựng thành công mô hình trồng thanh long ruột đỏ với quy mô từ tối thiểu 10 ha. Tỷ lệ cây sống đạt trên 95%. Năng suất dự	Từ năm 2026 (36 tháng)	2.500	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	xây dựng mô hình trồng thanh long ruột đỏ tại xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang.	nhằm xây dựng mô hình trồng thanh long phù hợp với điều kiện sinh thái của xã Thuận Hòa, tỉnh Tuyên Quang; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, góp phần đa dạng hóa cây trồng, nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa bền vững.	tại xã Thuận Hòa. Đánh giá khả năng thích nghi của giống thanh long ruột đỏ với điều kiện địa phương. Lựa chọn địa điểm và hộ dân tham gia xây dựng mô hình. - Nội dung 2. Tiếp nhận và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ: Lựa chọn giống thanh long ruột đỏ có năng suất, chất lượng cao. Áp dụng quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc tiên tiến. Ứng dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước (tưới nhỏ giọt hoặc phun mưa cục bộ). Áp dụng kỹ thuật bón phân cân đối, sử dụng phân hữu cơ và chế phẩm sinh học. Hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM). - Nội dung 3. Xây dựng mô hình trồng thanh long ruột đỏ: Xây dựng mô hình sản xuất tập trung quy mô tối thiểu 10ha Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, tỷ lệ sống, năng suất và chất lượng quả. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình. - Nội dung 4: Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm.	kiến đạt từ 15–20 tấn/ha/năm khi bước vào thời kỳ kinh doanh ổn định. Tăng thu nhập cho các hộ tham gia mô hình từ 20–30%. - Tạo cơ sở hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Sản phẩm có truy xuất nguồn gốc xuất xứ bảo đảm đủ tiêu chuẩn đưa vào các cửa hàng sạch và siêu thị. - Kết quả đào tạo, tập huấn: tối thiểu 250 lượt hộ dân được tập huấn, tổ chức hội thảo đầu bờ quy mô tối thiểu 100 lượt người. - Mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			- Nội dung 5. Đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật: Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc thanh long ruột đỏ tối thiểu cho 250 lượt người. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương. Tổ chức tham quan, hội thảo đầu bờ để chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng mô hình. Xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.				
7	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng dưa mật không gai tại xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất dưa mật không gai nhằm xây dựng mô hình trồng dưa hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân và góp phần phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững tại xã Yên Minh, tỉnh Tuyên Quang.	- Nội dung 1: Khảo sát, lựa chọn địa điểm và hộ tham gia, khảo sát điều kiện đất đai, khí hậu, hiện trạng sản xuất tại xã Yên Minh. Lựa chọn các hộ dân có đủ điều kiện tham gia xây dựng mô hình. - Nội dung 2: Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng giống Dưa mật không gai, quy mô 2-5ha. - Nội dung 3: Đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật trồng dưa mật không gai cho tối thiểu 150	- Xây dựng thành công mô hình trồng dưa mật không gai với quy mô từ 2–5 ha. Tỷ lệ cây sống sau trồng đạt trên 95%. Năng suất bình quân đạt từ 35–45 tấn/ha. Chất lượng quả đồng đều, mẫu mã đẹp, hàm lượng đường cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. - Có từ ít nhất 50 hộ dân, cán bộ kỹ thuật được đào tạo và nắm vững quy trình kỹ thuật trồng dưa mật không gai. Hiệu quả kinh tế tăng từ 20–30% so với các cây trồng truyền thống trên cùng diện	Từ năm 2026 (24 tháng)	2.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			lượt người. - Nội dung 4: Mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm.	tích. - Hình thành vùng sản xuất hàng hóa. - Mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.			
8	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng ớt hàng hóa gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tại xã Sơn Thủy, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ nhằm phát triển vùng sản xuất ớt hàng hóa tập trung theo hướng an toàn, bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế nông nghiệp địa phương.	- Nội dung 1: Tổ chức tập huấn, chuyển giao quy trình kỹ thuật sản xuất ớt an toàn theo hướng VietGAP, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ và các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM). - Nội dung 2: Xây dựng và phát triển vùng sản xuất ớt hàng hóa liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã tiêu thụ sản phẩm với quy mô trên 50 ha. - Nội dung 3: Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, quản lý dinh dưỡng và giám sát dịch hại trong sản xuất. - Nội dung 4: Xây dựng hệ thống sơ chế, kho bảo quản sau thu hoạch nhằm giảm tổn thất, kéo dài thời gian bảo quản và nâng cao chất lượng sản phẩm.	- Trên 50 ha vùng sản xuất ớt hàng hóa thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. - 01 quy trình kỹ thuật sản xuất ớt an toàn ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ. - 01 kho lạnh bảo quản nông sản phục vụ thu mua và tiêu thụ sản phẩm. - Sản phẩm ớt đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. - Hệ thống liên kết sản xuất, thu mua và tiêu thụ sản phẩm giữa người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp được duy trì ổn định.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			- Nội dung 5: Hỗ trợ xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ sản phẩm.				
9	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển vùng trồng cây Phật thủ chuyên canh theo hướng VietGAP, gắn với chế biến và phát triển thương hiệu tại xã Yên Phú, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để phát triển vùng chuyên canh cây Phật thủ theo tiêu chuẩn VietGAP, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, phát triển thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và phát triển kinh tế nông nghiệp địa phương.	- Nội dung 1: Điều tra, đánh giá hiện trạng vùng trồng Phật thủ; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý vùng trồng. - Nội dung 2: Ứng dụng công nghệ sinh học trong cải tạo đất, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hữu cơ vi sinh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển bền vững vùng trồng. - Nội dung 3: Xây dựng và phát triển vùng chuyên canh Phật thủ khoảng 100-120 ha theo tiêu chuẩn VietGAP. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, truy xuất nguồn gốc và quản lý vùng trồng bằng công nghệ số. - Nội dung 5: Nghiên cứu, hoàn thiện quy trình bảo quản sau thu hoạch; ứng dụng công nghệ sấy và chiết xuất tinh dầu từ quả Phật	- Vùng chuyên canh cây Phật thủ khoảng 100–120 ha đạt tiêu chuẩn VietGAP. - 01 quy trình kỹ thuật canh tác Phật thủ bền vững ứng dụng công nghệ sinh học. - 01 hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng mã QR. 01 nhãn hiệu tập thể "Phật thủ Yên Phú" và bộ nhận diện thương hiệu sản phẩm. - Các sản phẩm chế biến từ Phật thủ như: Phật thủ sấy khô, tinh dầu Phật thủ và các sản phẩm giá trị gia tăng khác. - 01 hợp tác xã hoặc tổ chức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoạt động hiệu quả. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng mô hình.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			thủ. - Nội dung 6: Hỗ trợ thành lập, củng cố hoạt động hợp tác xã; xây dựng nhãn hiệu tập thể, hệ thống nhận diện thương hiệu và xúc tiến thương mại cho sản phẩm Phật thủ Yên Phú.				
10	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển vùng trồng cây Hồi bền vững, gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân tại xã Minh Ngọc, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong phát triển vùng trồng cây Hồi theo hướng bền vững tại xã Minh Ngọc, tỉnh Tuyên Quang; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân, đồng thời gắn phát triển kinh tế lâm nghiệp với bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.	- Nội dung 1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng và xây dựng phương án phát triển vùng trồng Hồi: Điều tra hiện trạng diện tích Hồi, tình hình sinh trưởng, năng suất và hiệu quả kinh tế. Đánh giá điều kiện đất đai, khí hậu, hiện trạng rừng và khả năng mở rộng vùng trồng. Xây dựng bản đồ vùng phát triển cây Hồi và kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu. - Nội dung 2. Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển cây Hồi. Lựa chọn giống Hồi có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện địa phương. Xây dựng mô hình trồng mới Hồi trên diện tích quy hoạch (khoảng 100ha). Xây dựng	- Kết quả về khoa học và công nghệ: Xây dựng và hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc và phát triển cây Hồi phù hợp với điều kiện sinh thái tại xã Minh Ngọc. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phục vụ sản xuất. - Kết quả về mô hình: Xây dựng mô hình trồng mới và mô hình cải tạo, chăm sóc cây Hồi đạt yêu cầu kỹ thuật, quy mô 100ha. Hình thành vùng sản xuất Hồi tập trung gắn với quản lý và bảo vệ rừng. Tỷ lệ cây sống sau trồng đạt trên 90–95%. Năng suất và sản lượng Hồi tăng từ 15–30% so với phương thức canh tác truyền thống. Thu nhập của các hộ tham gia dự án tăng từ 20–30%. - Hình thành chuỗi liên kết sản	Từ năm 2026 (36 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			mô hình cải tạo, chăm sóc diện tích Hồi hiện có nhằm nâng cao năng suất. Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật: Kỹ thuật nhân giống và trồng Hồi, quản lý dinh dưỡng, quản lý sâu bệnh hại tổng hợp (IPM), tỉa cành, tạo tán, chăm sóc và thu hoạch đúng quy trình. - Nội dung 3. Gắn phát triển cây Hồi với bảo vệ và phát triển rừng: Xây dựng cơ chế quản lý, bảo vệ diện tích rừng có cây Hồi. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững. Theo dõi tác động của mô hình đối với độ che phủ và bảo vệ tài nguyên rừng. - Nội dung 4. Xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã hoặc nhóm hộ liên kết sản xuất. Hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu tập trung. Kết nối với doanh nghiệp thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Hồi. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	xuất và tiêu thụ sản phẩm Hồi tương đối ổn định. Tăng giá trị sản phẩm thông qua nâng cao chất lượng và truy xuất nguồn gốc.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			- Nội dung 5. Tập huấn, chuyển giao khoa học và công nghệ: Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật cho người dân. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc và thu hoạch Hôi. Tổ chức tham quan, học tập mô hình điển hình. Đào tạo cán bộ kỹ thuật cơ sở và các hộ nông cốt.				
11	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình bảo tồn, phát triển cây cà phê cổ gắn với phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm tại xã Đồng Văn, tỉnh Tuyên Quang.	Xây dựng được cơ sở khoa học, quy trình công nghệ và mô hình tổ chức thực tiễn nhằm phát triển tổng thể cây cà phê Đồng Văn theo chuỗi giá trị từ vùng trồng - canh tác - sơ chế - chế biến - sản phẩm - thương mại hóa, phù hợp với điều kiện sinh thái núi đá, gắn với du lịch và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	- Nội dung 1: Điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu nền và đánh giá hiện trạng: khảo sát diện tích cà phê hiện có tại Má Lủ, Giàng Sỉ Tùng và các điểm tiềm năng. - Nội dung 2: Đánh giá mức độ thích hợp sinh thái và đề xuất tiểu vùng phát triển; xây dựng bản đồ/atlas thu nhỏ làm căn cứ cho quản lý cấp tỉnh và cấp cơ sở. - Nội dung 3: Tuyển chọn giống/vật liệu giống và xây dựng mô hình canh tác thích ứng: theo dõi sinh trưởng, tỷ lệ sống, khả năng chống chịu và chất lượng nguyên liệu của các vật liệu triển vọng.	- 01 báo cáo tổng hợp khoa học và công nghệ; 01 bộ cơ sở dữ liệu số và 01 bộ bản đồ số phân vùng thích hợp phát triển cà phê Đồng Văn. - 01-02 dòng cà phê ưu tú được tuyển chọn, phục tráng trong vườn ươm cho điều kiện Đồng Văn; 01 gói quy trình kỹ thuật canh tác tổng hợp thích ứng địa hình và khí hậu. - Ít nhất 03 mô hình thực nghiệm/trình diễn với tổng quy mô dự kiến 3,0-5,0 ha tại các điểm phù hợp, ưu tiên Má Lủ, Giàng Sỉ Tùng và 01 điểm mở rộng; các mô hình có tỷ lệ sống sau trồng đạt từ 85% trở lên, có giải pháp che bóng - giữ ẩm - chống xói mòn và được theo dõi, đánh giá bằng bộ chỉ tiêu kỹ	Từ năm 2026 (36 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			- Nội dung 4: Nghiên cứu công nghệ sơ chế - chế biến sinh thái: hoàn thiện quy trình thu hái chọn lọc, phân loại, sơ chế ở quy mô thích hợp; - Nội dung 5: Phát triển sản phẩm cuối, tiêu chuẩn cơ sở và công cụ nhận diện. Nội dung 6: Xây dựng mô hình liên kết chuỗi và thử nghiệm thương mại hóa. - Nội dung 7: Đào tạo, tập huấn, chuyển giao và đề xuất chính sách: biên soạn sổ tay kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn phát triển sản phẩm.	thuật rõ ràng. - 01 quy trình sơ chế - chế biến sinh thái quy mô phù hợp địa phương; 01 quy trình tận dụng phụ phẩm cà phê theo định hướng kinh tế tuần hoàn; tối thiểu 01 bộ dữ liệu đánh giá chất lượng nguyên liệu và chất lượng sản phẩm sau chế biến. - Tối thiểu 04 sản phẩm mẫu/nguyên mẫu hoàn chỉnh gồm: cà phê nhân chọn lọc, cà phê rang xay, cà phê phin lọc hoặc drip bag, trà cascara; trong đó ít nhất 02 sản phẩm được thử nghiệm thị trường thực tế và có kết quả đánh giá phản hồi người tiêu dùng đạt mức khá trở lên. - 01 bộ tiêu chuẩn cơ sở; 01 bộ nhận diện sản phẩm gồm bao bì, nhãn, tem truy xuất nguồn gốc, câu chuyện sản phẩm và hướng dẫn sử dụng cho cà phê Đồng Văn; tối thiểu 01 hồ sơ khuyến nghị để tiếp tục phát triển theo hướng OCOP/đặc sản du lịch sau khi kết thúc nhiệm vụ. - 01 mô hình liên kết khoa học -			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
				chính quyền - doanh nghiệp - cộng đồng được vận hành thử; tối thiểu 05 lớp tập huấn/chuyên giao; 01 sổ tay kỹ thuật hoặc cẩm nang phát triển sản phẩm; tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo hội thảo chuyên ngành; 01 bộ khuyến nghị chính sách và lộ trình phát triển cà phê Đồng Văn đến năm 2035 phục vụ tỉnh xem xét ban hành/áp dụng.			
12	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, phát triển các giống gà địa phương (gà lông xước, gà xương đen) theo chuỗi giá trị tại xã Tùng Vài, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi nhằm bảo tồn, phát triển bền vững các giống gà địa phương (gà lông xước, gà xương đen); hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế và thu nhập cho người dân xã Tùng Vài, tỉnh Tuyên Quang.	- Nội dung 1: Tiếp thu và làm chủ quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà lông xước và gà xương đen bản địa; - Nội dung 2: Xây dựng thành công mô hình chăn nuôi gà thương phẩm theo hướng an toàn sinh học, quy mô 3.000 con/năm. - Nội dung 3: Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm (nhãn hiệu thông thường). - Nội dung 4: Xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bền vững.	- Mô hình sinh sản 550 con (500 gà mái, 50 gà trống). - Mô hình nuôi thương phẩm 3.000 con/năm. - Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm (nhãn hiệu thông thường). - Mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất phương án nhân rộng.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
13	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển chăn nuôi lợn đen sinh sản theo hướng an toàn sinh học gắn với sản xuất giống và tiêu thụ sản phẩm tại các xã Xín Mần, Giáp Trung tỉnh Tuyên Quang.	- Xây dựng 01 mô hình hạt nhân đàn lợn đen sinh sản và 01 hệ thống sơ chế đạt chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. - Áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi. - Chuyển giao kỹ thuật cho 100-150 người chăn nuôi, hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, cung ứng ra thị trường sản phẩm thịt lợn đen đặc sản có truy xuất nguồn gốc.	- Nội dung 1: Tuyển chọn và xây dựng đàn giống hạt nhân (Sàng lọc đàn lợn đen bản địa khỏe mạnh, ngoại hình đặc trưng. Lập hồ sơ theo dõi gia phả, loại bỏ cận huyết. Quản lý đàn nái sinh sản theo quy trình khép kín). - Nội dung 2: Áp dụng quy trình kỹ thuật chăn nuôi ATSH (Xây dựng quy trình: (1) Nuôi nái sinh sản; (2) Chăm sóc lợn con; (3) Võ béo thương phẩm bằng thức ăn tự phối trộn từ phụ phẩm nông nghiệp tại địa phương). - Nội dung 3: Xây dựng mô hình chuỗi chăn nuôi khép kín (Đầu tư cơ sở vật chất (chuồng trại ATSH, hệ thống xử lý chất thải/biogas). Thiết lập hệ thống sơ chế mini (giết mổ, đóng gói, cấp đông) bảo đảm ATTP). - Nội dung 4: Xây dựng thương hiệu và liên kết tiêu thụ (Xây dựng bộ nhận diện (Logo, bao bì “Lợn đen Xín Mần”), tem truy xuất (QR code), kết nối với bếp ăn trường học/nhà hàng/siêu thị).	- 01 đàn lợn đen hạt nhân; Hệ thống hồ sơ hoặc phần mềm quản lý gia phả đàn giống. - 01 mô hình cơ sở hạt nhân (hạ tầng chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải); 01 khu sơ chế lợn thịt mini (đạt chuẩn ATTP); Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của mô hình. - Đăng ký nhãn hiệu lợn đen Trung Thịnh, lợn đen Xín Mần. - Hệ thống truy xuất: Mã QR Code tích hợp trên bao bì sản phẩm, giúp khách hàng tra cứu nguồn gốc tại cơ sở hạt nhân. - Chứng nhận chất lượng: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; các chứng nhận kiểm định chất lượng sản phẩm (hoặc hồ sơ đang chờ duyệt nếu dự án kết thúc). - Đầu mối tiêu thụ: Biên bản ghi nhớ (MOU) hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các đơn vị phân phối (Siêu thị, chuỗi cửa hàng, nhà hàng) tại Tuyên Quang hoặc các tỉnh lân cận.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
				- Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất phương án nhân rộng.			
14	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để cải thiện năng suất, chất lượng thịt và phát triển các sản phẩm chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị thương mại cho bò vàng (bò Mông) tại xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang.	Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, quản lý đàn, dinh dưỡng và chế biến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt bò vàng (bò Mông); phát triển các sản phẩm chế biến sâu từ thịt bò, góp phần gia tăng giá trị thương mại, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương tại xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang.	- Nội dung 1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng chăn nuôi bò vàng (bò Mông) về quy mô đàn bò, phương thức chăn nuôi; nguồn thức ăn, điều kiện chuồng trại. Phân tích hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi hiện tại. Đánh giá chất lượng thịt và nhu cầu thị trường. - Nội dung 2: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất và chất lượng thịt: Cải thiện khẩu phần ăn bằng thức ăn tinh và thức ăn ủ chua. Bổ sung khoáng, vitamin và chế phẩm sinh học. Áp dụng quy trình phòng trị bệnh tổng hợp. Quản lý sinh trưởng và theo dõi tăng trọng bằng các chỉ tiêu kỹ thuật. Xây dựng mô hình: Mô hình nuôi vỗ béo bò vàng quy mô 30–50 con. Theo dõi tăng trọng, tỷ lệ thịt xẻ, hiệu quả kinh tế. Đánh giá chất lượng thịt bò vàng sau áp dụng kỹ thuật.	- Xây dựng thành công 01 mô hình chăn nuôi bò vàng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Tăng khối lượng tăng trọng bình quân từ 15–20% so với phương thức truyền thống. Nâng cao chất lượng thịt, tỷ lệ thịt xẻ tăng từ 5–10%. Giảm chi phí thức ăn và chi phí thú y từ 5–10% - Phát triển ít nhất 03 sản phẩm chế biến sâu có khả năng thương mại hóa. Giá trị sản phẩm thịt bò tăng từ 20–30% thông qua chế biến. Thu nhập của hộ tham gia mô hình tăng từ 15–25%. - Đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho 150-200 người, Biên soạn 01 sổ tay hướng dẫn kỹ thuật từ chăn nuôi đến chế biến. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất phương án nhân rộng.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			- Nội dung 3: Nghiên cứu phát triển sản phẩm chế biến sâu: Tối thiểu 3–5 sản phẩm chế biến sâu từ thịt bò vàng. Xây dựng Bộ quy trình chế biến đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ: Liên kết hộ chăn nuôi, hợp tác xã và doanh nghiệp. Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc. Xúc tiến thương mại trên các kênh truyền thống và thương mại điện tử. - Nội dung 5. Đào tạo và chuyển giao kỹ thuật cho 150-200 người.				
15	Dự án: Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến phát triển chăn nuôi cá nước lạnh đặc sản có giá trị cao (cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Tầm) tại xã	Ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong chăn nuôi thủy sản nhằm phát triển bền vững các loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo sản phẩm đặc trưng phục vụ thị	- Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá điều kiện nguồn nước và tiềm năng phát triển nuôi cá đặc sản tại xã Thượng Lâm. - Nội dung 2: Ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến trong lồng bè và ao nuôi, bao gồm hệ thống giám sát môi trường nước, quản lý thức ăn và phòng, chống dịch bệnh. - Nội dung 3: Xây dựng mô hình nuôi cá đặc sản (cá Chiên, cá	- 01 mô hình nuôi cá đặc sản ứng dụng kỹ thuật tiên tiến tại xã Thượng Lâm. - Hệ thống giám sát môi trường nước và quản lý nuôi bằng công nghệ số. - Sản lượng cá đặc sản thương phẩm đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng sản lượng ít nhất 10%. - Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm và liên kết tiêu thụ ổn định.	Từ năm 2026 (24 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	Thượng Lâm, tỉnh Tuyên Quang.	trường tiêu dùng, du lịch và phát triển kinh tế địa phương.	Lăng, cá Bống, cá Tầm) theo hướng an toàn sinh học, có liên kết tiêu thụ sản phẩm. - Nội dung 4: Chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, quản lý môi trường và phòng trị bệnh cho người dân. - Nội dung 5: Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, quảng bá sản phẩm và kết nối tiêu thụ gắn với phát triển du lịch sinh thái Na Hang - Lâm Bình.	- Chuyển giao quy trình kỹ thuật nuôi, chăm sóc, quản lý môi trường và phòng trị bệnh cho người dân. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất phương án nhân rộng.			
16	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi dê sinh sản, dê thương phẩm theo hướng an toàn sinh học tại phường Hà Giang 1, tỉnh	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình nuôi dê quy mô khoảng 200 con theo hướng an toàn sinh học tại phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang; kiểm soát tốt con giống, chuồng trại, thức ăn, nước uống, dịch bệnh và môi trường chăn nuôi nhằm nâng cao tỷ lệ nuôi sống, chất lượng	- Nội dung 1: Khảo sát, lựa chọn hộ tham gia mô hình, đánh giá điều kiện chuồng trại, nguồn thức ăn và khả năng đối ứng. - Nội dung 2: Lựa chọn, tiếp nhận và chuyển giao giống dê phù hợp, ưu tiên dê sinh sản, dê lai hướng thịt có khả năng thích nghi tốt. - Nội dung 3: Hỗ trợ cải tạo chuồng trại, xây dựng hướng dẫn nuôi dê an toàn sinh học, quy trình chăm sóc dê sinh sản, dê con và dê thương phẩm. - Nội dung 4: Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật phối giống, quản lý	- Mô hình nuôi dê sinh sản, dê thương phẩm theo hướng an toàn sinh học tại phường Hà Giang 1. - Hình thành đàn dê giống, dê thương phẩm có năng suất, chất lượng tốt, phù hợp điều kiện địa phương. - Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho các hộ tham gia và người dân có nhu cầu. - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật và đề xuất phương án nhân rộng.	Từ năm 2026 (36 tháng)	3.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	Tuyên Quang.	đàn dê, hiệu quả kinh tế và khả năng nhân rộng mô hình tại địa phương.	đàn, phòng trị một số bệnh thường gặp, sử dụng thức ăn thô xanh, phụ phẩm nông nghiệp và xử lý chất thải chăn nuôi.				
II	LĨNH VỰC KHOA HỌC Y, DƯỢC						
17	Đề tài: Ứng dụng Silver Diamine Fluoride trong kiểm soát sâu răng ở trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	- Đánh giá thực trạng sâu răng ở trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Xây dựng hướng dẫn quy trình kỹ thuật, giải pháp các bước can thiệp kiểm soát sâu răng bằng SDF tại cộng đồng. - Triển khai mô hình can thiệp kiểm soát sâu răng học đường bằng SDF tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng bệnh sâu răng ở trẻ mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; phân tích, xác định các yếu tố liên quan. - Nội dung 2: Triển khai mô hình can thiệp kiểm soát sâu răng học đường bằng SDF tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Triển khai can thiệp bôi SDF (Silver Diamine Fluoride 38%) trên các tổn thương sâu răng ngà tiến triển. Đánh giá tỷ lệ bất hoạt sâu răng (ngừng tiến triển sâu răng) sau các khoảng thời gian theo dõi (6 tháng, 12 tháng). Đánh giá hiệu quả. - Nội dung 3: Hoàn thiện hướng dẫn quy trình kỹ thuật, giải pháp các bước can thiệp kiểm soát sâu	- Báo cáo tổng kết nghiên cứu; - Báo cáo thực trạng sâu răng của trẻ mầm non tại Tuyên Quang và kết quả đánh giá lâm sàng của phương pháp SDF. - Hướng dẫn quy trình kỹ thuật, giải pháp các bước can thiệp kiểm soát sâu răng bằng SDF tại tuyến y tế cơ sở. - Mô hình can thiệp sâu răng bằng SDF tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được xây dựng và đánh giá hiệu quả (Các trẻ em mầm non tại địa bàn nghiên cứu được điều trị, bất hoạt các tổn thương sâu răng, giúp giảm đau nhức và bảo tồn răng sữa). - Văn bản tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo về việc đưa SDF vào chương trình Nha học đường để	Từ năm 2026 (24 tháng)	800	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			răng bằng SDF tại cộng đồng.	nâng cao sức khỏe răng miệng cho trẻ em. - Có từ 01-02 bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín (như Tạp chí Y học Việt Nam hoặc Tạp chí Y Dược học)			
18	Đề tài: Ứng dụng kỹ thuật can thiệp nội mạch bằng vòng xoắn kim loại trong điều trị phình động mạch não vỡ và một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Hà Giang, tỉnh Tuyên Quang.	Đánh giá hiệu quả điều trị phình động mạch não vỡ bằng kỹ thuật can thiệp nội mạch sử dụng vòng xoắn kim loại. đề xuất giải pháp và hoàn thiện Tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật hội chẩn và can thiệp nội mạch điều trị phình động mạch não vỡ.	- Nội dung 1: Xây dựng mô hình ứng dụng kỹ thuật can thiệp nội mạch bằng vòng xoắn kim loại điều trị phình động mạch não vỡ. Đánh giá kết quả kỹ thuật, kết quả lâm sàng và tính an toàn của phương pháp can thiệp nội mạch nút túi phình động mạch não vỡ bằng coil và đánh giá kết quả can thiệp thông qua các chỉ tiêu. Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả điều trị. - Nội dung 2: Hoàn thiện quy trình tiếp nhận, chẩn đoán, hội chẩn và can thiệp điều trị phình động mạch não vỡ. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả điều trị và mở rộng triển khai kỹ thuật tại các cơ sở y tế có đủ điều kiện. - Nội dung 3: Đào tạo, tập huấn các kíp về kỹ thuật can thiệp nội	- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu. - Báo cáo kết quả triển khai mô hình can thiệp; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả điều trị và tiên lượng người bệnh. - 01 Tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật can thiệp nội mạch điều trị phình động mạch não vỡ được chuẩn hóa và phù hợp điều kiện triển khai. - 01 Tài liệu hướng dẫn quy trình xây dựng tiêu chuẩn lựa chọn/loại trừ bệnh nhân, hội chẩn và theo dõi, tái khám được chuẩn hóa và phù hợp điều kiện triển khai. - Mô hình ứng dụng kỹ thuật can thiệp. - Đào tạo, tập huấn các kíp. - Một số giải pháp nâng cao hiệu quả điều trị và mở rộng triển khai	Từ năm 2026 (24 tháng)	1.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			mạch bằng vòng xoắn kim loại trong điều trị phình động mạch não vỡ.	kỹ thuật tại các cơ sở y tế có đủ điều kiện. - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành.			
III	LĨNH VỰC KHOA HỌC XÃ HỘI						
19	Đề tài: Đổi mới phương thức quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện nay.	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp đổi mới phương thức quản lý nhà nước nhằm khơi thông nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025- 2027. - Nội dung 2: Đánh giá tác động của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đến môi trường phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ. - Nội dung 3: Xây dựng bộ chỉ tiêu/công cụ đánh giá động lực phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 4: Đề xuất giải pháp đổi mới phương thức quản lý nhà nước nhằm khơi thông nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 5: Xây dựng mô hình	- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang. - Báo cáo đánh giá tác động của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đến môi trường phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang. - 01 Bộ chỉ tiêu/bộ công cụ đánh giá động lực phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang. - Các giải pháp đổi mới phương thức quản lý nhà nước nhằm khơi thông nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Từ năm 2025-2027 (18 tháng)	1.100	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			ứng dụng các giải pháp, bộ công cụ tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; đánh giá hiệu quả. - Nội dung 6: Đề xuất chương trình/kế hoạch của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang.	- Mô hình ứng dụng các giải pháp, bộ công cụ tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - 02 Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành. - 01 chương trình/kế hoạch của UBND tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang. - 01 sổ tay cẩm nang hướng dẫn ngắn về nhận diện khó khăn và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa dành cho cán bộ cấp xã/phường, hiệp hội doanh nghiệp và các đơn vị hỗ trợ doanh nghiệp.			
20	Đề tài: Nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương	Hệ thống cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ. Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của	- Nội dung 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở Việt Nam. - Nội dung 2: Thực trạng đội ngũ, năng lực thực thi công vụ và những yếu tố ảnh hưởng đến thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 3: Giải pháp nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội	- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Báo cáo Cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở Việt Nam. - Báo cáo thực trạng và những yếu tố ảnh hưởng đến thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Giải pháp nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Tuyên Quang.	Từ năm 2026-2027 (18 tháng)	1.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	hai cấp.	tỉnh Tuyên Quang.	ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình điểm ứng dụng giải pháp nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh.	- Bộ tiêu chí, công cụ đánh giá năng lực thực thi công vụ. - Mô hình ứng dụng các giải pháp vào thực tiễn tại 05 xã, phường thuận lợi/khó khăn (gồm: 1 xã biên giới, 1 xã nội địa, 1 phường thuộc Hà Giang cũ; 1 xã nội địa, 1 phường thuộc Tuyên Quang cũ) và đánh giá hiệu quả.			
21	Đề tài: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn phát triển mới.	Đánh giá thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trẻ và mức độ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tuyên Quang	- Nội dung 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. - Nội dung 2: Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay. - Nội dung 3: Xây dựng khung kỹ năng số đối với một số nhóm nghề/ngành, lĩnh vực ưu tiên; bộ tiêu chí đánh giá. - Nội dung 4: Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số - Nội dung 5: Xây dựng mô hình thí điểm ứng dụng các giải pháp	- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Báo cáo cơ sở lý luận; Báo cáo điều tra, khảo sát về thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trẻ của tỉnh Tuyên Quang. - 01 Khung kỹ năng số đối với nguồn nhân lực trẻ theo một số nhóm nghề/ngành, lĩnh vực ưu tiên. - 01 Bộ tiêu chí/công cụ đánh giá kỹ năng số đối với đội ngũ nguồn nhân lực trẻ. - Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trẻ tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay. - Mô hình ứng dụng các giải pháp trong thực tiễn và đánh giá hiệu	Từ năm 2026-2027 (12 tháng)	1.200	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			trong thực tiễn và đánh giá hiệu quả	quả. - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có uy tín.			
22	Đề tài: Phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu học nghề và sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.	Đánh giá thực trạng; đề ra giải pháp và thiết lập nền tảng số quản trị dữ liệu nhằm phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tuyên Quang đáp ứng nhu cầu học nghề và sử dụng lao động	- Nội dung 1: Đánh giá thực trạng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo nhu cầu học nghề, sử dụng lao động và tương thích chính sách. - Nội dung 2: Đề xuất giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu học nghề và sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên - Nội dung 3: Thiết kế mô hình quản trị, kết nối và khai thác dữ liệu giáo dục nghề nghiệp, nhu cầu sử dụng lao động và việc làm. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình thí điểm giải pháp (giữa đào tạo linh hoạt kết hợp hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ cho ngành nghề thế mạnh của tỉnh)/mô hình hợp tác thực nghiệm giữa cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các doanh nghiệp, khu công nghiệp trong sử dụng lao động.	- 01 Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - 01 Báo cáo thực trạng giáo dục nghề nghiệp tỉnh Tuyên Quang theo nhu cầu học nghề, sử dụng lao động. - Hệ thống giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035. - 01 Mô hình thí điểm. - 01 nền tảng số quản trị dữ liệu giáo dục nghề nghiệp; Bộ cơ sở dữ liệu về nhu cầu học nghề và nhu cầu sử dụng lao động (dạng file điện tử). - 01 bộ bản đồ số/GIS về cung-cầu lao động. - 01 bài báo khoa học.	Từ năm 2026-2027 (18 tháng)	2.300	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
IV	LĨNH VỰC KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ						
23	Dự án: Ứng dụng thiết bị bay không người lái trong hỗ trợ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Ứng dụng công nghệ UAV trong sản xuất nông nghiệp (thu hoạch, vận chuyển, sản xuất, chế biến nông sản; quản lý, phòng trừ dịch bệnh hại; bảo vệ thực vật), quản lý tài nguyên rừng, giám sát môi trường và phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu số.	- Nội dung 1: Xây dựng các mô hình ứng dụng UAV trong sản xuất, thu hoạch, vận chuyển, chế biến nông sản đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh (lúa, chè, cây ăn quả...); đồng thời triển khai mô hình UAV trong giám sát, phát hiện và phòng trừ dịch bệnh hại, bảo vệ thực vật. - Nội dung 2: Xây dựng hệ thống giám sát, theo dõi biến động diện tích rừng bằng UAV kết hợp bản đồ số (GIS), bảo đảm cập nhật thường xuyên, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. - Nội dung 3: Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, đánh giá thiệt hại và ứng phó thiên tai (bão, lũ, sạt lở...), cung cấp dữ liệu, hình ảnh kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. - Nội dung 4: Xây dựng và ban hành bộ quy trình kỹ thuật ứng dụng UAV trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và phòng,	- Hệ thống UAV phục vụ sản xuất, giám sát và quản lý. - Bộ dữ liệu số ảnh viễn thám và bản đồ chuyên đề từ UAV. - Hệ thống giám sát biến động rừng, sâu bệnh và thiên tai. - Bộ quy trình kỹ thuật ứng dụng UAV. - Cơ sở dữ liệu số tích hợp phục vụ quản lý ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và phòng chống thiên tai.	Từ năm 2026 (36 tháng)	10.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
			chống thiên tai phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. - Nội dung 5: Hình thành cơ sở dữ liệu số hóa tích hợp từ UAV phục vụ quản lý, giám sát và điều hành trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và phòng, chống thiên tai, kết nối với hệ thống chuyển đổi số của tỉnh.				
24	Dự án: Xây dựng mô hình “Làng sáng tạo nội dung số” trong phát triển du lịch cộng đồng minh và kinh tế số tại xã Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.	Xây dựng mô hình “Làng sáng tạo nội dung số” tại xã Lâm Bình nhằm ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và truyền thông đa phương tiện trong quảng bá du lịch cộng đồng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa, phát triển sản phẩm OCOP và kinh tế số nông thôn; nâng cao năng lực số cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp du lịch và thanh niên địa phương, tạo cơ sở	- Nội dung 1: Khảo sát, đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch, văn hóa, sản phẩm OCOP, hạ tầng số và nhu cầu chuyển đổi số tại xã Lâm Bình. - Nội dung 2: Xây dựng Trung tâm sáng tạo nội dung số cộng đồng phục vụ sản xuất, biên tập và phát hành nội dung số quảng bá du lịch, văn hóa và sản phẩm địa phương. - Nội dung 3: Xây dựng cơ sở dữ liệu số về điểm du lịch, di sản văn hóa, lễ hội, làng nghề, sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch và các tài nguyên đặc trưng của địa phương. - Nội dung 4: Xây dựng nền tảng	- 01 mô hình “Làng sáng tạo nội dung số” tại xã Lâm Bình. - 01 trung tâm sáng tạo nội dung số cộng đồng được trang bị thiết bị phục vụ sản xuất nội dung số. - 01 cơ sở dữ liệu số về du lịch, văn hóa và sản phẩm OCOP của địa phương. - 01 nền tảng số quảng bá du lịch cộng đồng và sản phẩm đặc trưng của xã Lâm Bình. - Chatbot AI khai thác cơ sở dữ liệu. - Hệ thống bản đồ số du lịch, thư viện ảnh, video và các sản phẩm truyền thông số phục vụ quảng bá địa phương. - Đào tạo kỹ năng số, vận hành mô hình cho người dân, thanh niên,	Từ năm 2026 (36 tháng)	5.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh.	số phục vụ quảng bá du lịch cộng đồng, tích hợp bản đồ số, thông tin điểm đến, sản phẩm OCOP, dịch vụ du lịch và các kênh truyền thông số. - Nội dung 5: Ứng dụng AI hỗ trợ xây dựng nội dung, biên tập, dịch thuật đa ngôn ngữ, quảng bá, tương tác với du khách; xây dựng chatbot khai thác cơ sở dữ liệu về du lịch, văn hóa, các sản phẩm OCOP. - Nội dung 6: Hỗ trợ các hộ kinh doanh du lịch cộng đồng, hợp tác xã, chủ thể OCOP ứng dụng thương mại điện tử và nền tảng số trong quảng bá, kinh doanh sản phẩm. - Nội dung 7: Đào tạo, tập huấn kỹ năng sáng tạo nội dung số, truyền thông số, kinh doanh số cho người dân và thanh niên địa phương. - Nội dung 8: Đánh giá hiệu quả mô hình và xây dựng tài liệu hướng dẫn nhân rộng.	hợp tác xã. - Bộ tài liệu hướng dẫn vận hành và nhân rộng mô hình.			

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
25	Dự án: Số hóa và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI/LLM) khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên điện tử Trường Đại học Tân Trào	Số hóa và hệ thống học liệu trường Đại học Tân Trào, xây dựng một mô hình hoặc hệ thống hỗ trợ tìm kiếm, chất lọc, tổng hợp tri thức thông minh dựa trên mô hình LLM, cho phép: Hiểu và xử lý truy vấn bằng ngôn ngữ tự nhiên. Truy xuất thông tin chính xác từ nhiều loại học liệu. Tóm tắt, diễn giải, tổng hợp và tái cấu trúc tri thức phù hợp với nhu cầu người dùng. Hỗ trợ quá trình học tập và giảng dạy thông qua việc tự động hóa và nâng cao chất lượng truy vấn học liệu. Đáp ứng được các yêu cầu của người dùng thuộc Trường Đại học Tân Trào và	- Nội dung 1: Hệ thống hóa cơ sở dữ liệu số về tất cả các ngành, lĩnh vực về học liệu của Trường Đại học Tân Trào. - Nội dung 2: Phân tích - chuẩn hóa - xử lý học liệu về tất cả các ngành, lĩnh vực về học liệu của Trường Đại học Tân Trào. - Nội dung 3: Xây dựng hệ thống tìm kiếm ngữ nghĩa dựa trên tất cả các ngành, lĩnh vực về học liệu của Trường Đại học Tân Trào và tri thức từ môi trường Internet. - Nội dung 4: Phát triển hệ thống RAG (Retrieval-Augmented Generation) cho việc tạo câu trả lời dựa trên các học liệu và tài liệu học tập dựa trên mô hình LLM. - Nội dung 5: Tạo khả năng tương tác – hỏi đáp tự nhiên dựa trên các câu hỏi và thực hiện trả lời dựa trên các kiến thức, các học liệu và tài liệu học tập dựa trên mô hình LLM. - Nội dung 6: Tóm tắt và khai thác tri thức nâng cao, Tóm tắt	- 01 cơ sở dữ liệu số tập trung về học liệu và tài nguyên điện tử của Trường Đại học Tân Trào. - 01 nền tảng AI ứng dụng công nghệ LLM và RAG phục vụ tìm kiếm, hỏi đáp, tóm tắt và khai thác học liệu số. - 01 mô-đun hỗ trợ giảng viên xây dựng bài giảng, ngân hàng câu hỏi và đề kiểm tra. - 02 bài báo khoa học. - Bộ tài liệu hướng dẫn vận hành, khai thác hệ thống.	Từ năm 2026 (24 tháng)	6.700	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		chất lượng tri thức mà người dùng yêu cầu.	chương, bài giảng, đề mục theo yêu cầu của người dùng. - Nội dung 7: Hỗ trợ giảng viên trong công tác chuyên môn như xây dựng các hệ thống câu hỏi và bản trả lời trắc nghiệm. - Nội dung 8: Đánh giá hiệu quả hệ thống về độ chính xác và mượt mà của câu hỏi và trả lời dựa trên học liệu về tất cả các ngành, lĩnh vực về học liệu của Trường Đại học Tân Trào và môi trường Internet.				
26	Đề tài: Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số quản lý hoạt động sản xuất và quản lý trong ngành nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang	- Đánh giá hiện trạng về công tác quản lý và sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; - Xây dựng hệ thống bản đồ vùng sản xuất, các loại bản đồ phân bố trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp, dự báo tình hình và cảnh báo nguy cơ trên địa bàn	- Nội dung 1: Phân tích thực trạng về ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 2: Triển khai mô hình lựa chọn rời rạc và mô hình kinh tế lượng để tìm hiểu mức độ sẵn lòng tham gia và chi trả của người dân đối với việc chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 3: Xây dựng hệ thống bản đồ vùng sản xuất, hiện trạng,	- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài; - Báo cáo điều tra khảo sát; - Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chạy trên nền tảng web theo các loại bản đồ chuyên đề và cơ sở dữ liệu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Hệ thống bản đồ chuyên đề có ứng dụng AI cho việc khai thác của người dùng. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp.	Từ năm 2026 (24 tháng)	2.000	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
		tỉnh Tuyên Quang; - Xây dựng thành công cơ sở dữ liệu và phát triển phần mềm WebGIS quản lý và truy xuất cơ sở dữ liệu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Ứng dụng AI vào khai thác bản đồ chuyên đề.	phân bố, dự báo tình hình và cảnh báo nguy cơ trong các lĩnh vực của ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 4: Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu chạy trên nền tảng web theo các loại bản đồ chuyên đề và cơ sở dữ liệu nông nghiệp; triển khai ứng dụng thử nghiệm để đánh giá, hiệu chỉnh. - Nội dung 5: Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu. - Nội dung 6: Tập huấn, chuyển giao hướng dẫn vận hành phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp.	- Tập huấn, chuyển giao hướng dẫn vận hành phần mềm quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu nông nghiệp cho 30-50 người. - 02 bài báo khoa học trên tạp chí có uy tín.			
27	Dự án: Ứng dụng xử thải từ Nhà máy luyện antimon Mậu Duệ, xã Mậu Duệ làm vật liệu cấp phối	Phân tích, đánh giá sự phù hợp của vật liệu xỉ thải dùng cho bê tông. Xây dựng công thức cấp phối, tỷ lệ phối trộn chất gắn kết phục vụ thi công, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường	- Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng và nhu cầu thi công, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn 7 xã trong phạm vi nghiên cứu: các xã Thắng Mổ, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Đường Thượng và Ngọc Long; tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 2: Phân tích đặc điểm	- Báo cáo tổng hợp kết quả dự án; Báo cáo thực trạng. - Bản vẽ thiết kế thi công đường giao thông bằng vật liệu xỉ thải tại nhà máy luyện antimon Mậu Duệ trên địa bàn xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang. - 50 m tuyến đường thi công thử nghiệm bằng vật liệu xỉ thải tại nhà	Từ năm 2026 (18 tháng)	1.800	Tuyển chọn

TT	Tên nhiệm vụ	Định hướng mục tiêu	Dự kiến nội dung, quy mô	Dự kiến kết quả sản phẩm	Thời gian thực hiện	Dự kiến mức trần kinh phí (triệu đồng)	Phương thức thực hiện
	trong xây dựng đường giao thông, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn môi trường.	giao thông trên địa bàn các xã Thắng Mố, Bạch Đích, Yên Minh, Mậu Duệ, Du Già, Đường Thượng và Ngọc Long, tỉnh Tuyên Quang.	của vật liệu xỉ thải tại nhà máy luyện antimon Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 3: Xây dựng giải pháp sử dụng vật liệu xỉ thải tại nhà máy luyện antimon Mậu Duệ dùng cho bê tông. - Nội dung 4: Xây dựng tài liệu hướng dẫn công thức cấp phối, tỷ lệ phối trộn, thi công sử dụng vật liệu xỉ thải dùng cho bê tông. - Nội dung 5: Thử nghiệm thi công đường trên địa bàn xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang. - Nội dung 6: Chuyển giao công nghệ.	máy luyện antimon Mậu Duệ trên địa bàn xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang. - Tài liệu hướng dẫn công thức cấp phối, tỷ lệ phối trộn và thi công, cải tạo đường giao thông bằng vật liệu xỉ thải tại nhà máy luyện antimon Mậu Duệ. - Tập huấn, chuyển giao.			